

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ – ST

Ngày 30/6/2020.

V/v: Xin ly hôn và con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUẬT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Hữu Dân

2. Bà Đỗ Thị Kim Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: H' Michan Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXX – HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Thương H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Đội 1, Thôn 1b, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đắk Trung - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn chị Tô Thương H trình bày:** Tôi và anh Nguyễn Quang V có chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B từ ngày 23/7/2015. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp và không tôn trọng lẫn nhau, đến khoảng tháng 6 năm 2016 khi tôi mới sinh con thì hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay, giữa tôi và anh V không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân vì vậy, tôi yêu cầu

Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Quang V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Tô Tuấn K, sinh ngày 02/5/2016. Hiện nay, cháu đang do tôi chăm sóc và nuôi dưỡng, nên sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu K đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang V trình bày: Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B từ năm 2016. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn. Nay, chị H làm đơn xin ly hôn với tôi thì tôi đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Tô Tuấn K, sinh ngày 02/5/2016. Hiện nay, cháu đang do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, nên tôi đồng ý giao cháu K cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay do đang chấp hành án nên không thể cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như phía đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 220; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Tô Thương H

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thương H được ly hôn với anh Nguyễn Quang V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tô Tuấn K, sinh ngày 02/5/2016 cho chị Tô Thương H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – anh Nguyễn Quang V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng anh V hiện đang chấp hành án tại trại giam Đắk Trung. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh V tại phiên Tòa: Hiện nay, do anh V đang chấp hành án tại trại giam nên đã yêu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt anh V là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Giữa chị Hoài và anh V quá trình tìm hiểu và yêu thương nhau, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B vào ngày 23/7/2015, do đó đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống với nhau giữa chị Hoài và anh V có nhiều quan điểm bất đồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình lấy lời khai bị đơn anh V có khai đồng ý ly hôn với chị H và có đơn xin vắng mặt do đang chấp hành án tại trại giam Đắk Trung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V không thể tiếp tục duy trì, mâu thuẫn giữa chị H và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhau mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tô Thương H đối với anh Nguyễn Quang V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống với nhau chị Hoài và anh V có 01 con chung tên là Nguyễn Tô Tuấn K, sinh ngày 02/5/2016. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cháu K đến khi trưởng thành, hiện nay anh V đang chấp hành án tại trại giam Đắk Trung, ngoài ra anh V đồng ý cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến khi trưởng thành. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Tô Tuấn K cho chị Tô Thương H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Quang V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tô Thương H không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Tô Thương H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; Khoản 2 Điều 207; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Tô Thương H. Cho chị Tô Thương H được ly hôn với anh Nguyễn Quang V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tô Tuấn K, sinh ngày 02/5/2016 cho chị Tô Thương H chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Anh Nguyễn Quang V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tô Thương H không yêu cầu anh Nguyễn Quang V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Tô Thương H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà chị Tô Thương H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005672 ngày 08/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Kam Ênuôl